

Trung bình

## SAFETYBOY WINTER S1P

SFTYBOYWNT

Boot mùa #ông có giá kinh t# v#i l#p lót bông.

SAFETYBOY WINTER S1 là m#t lo#i b#t mùa #ông có lót g#u bông linh ho#t, giá c# ph#i ch#ng, mang l#i s# #m áp, ##c tính ch#ng t#nh #i#n, ## ngoài không ## l#i d#u v#t, ph#n lót chân có th# tháo r#i và kh# n#ng h#p th# n#ng l#ng # gót chân. Lý t#ng cho các ngành công nghi#p khác nhau và #i#u ki#n làm vi#c kh#c nghi#t.

|                            |                                                                     |
|----------------------------|---------------------------------------------------------------------|
| Nh#ng v#t li#u cao c#p h#n | Da k# thu#t Barton                                                  |
| l#p lót bên trong          | Teddy                                                               |
| ## trong                   | Teddy                                                               |
| ## gi#a                    | Thép                                                                |
| ## ngoài                   | PU                                                                  |
| ##ng ##u                   | Thép                                                                |
| Lo#i                       | S1 P / SRC, CI                                                      |
| Ph#m vi kích th#           | EU 35-48 / UK 3.0-13.0 / US 3.0-13.5<br>JPN 21.5-31.5 / KOR 230-315 |
| tr#ng l#ng thép            | 0.620 kg                                                            |
| tiêu chu#n hóa             | ASTM F2413:2018<br>EN ISO 20345:2011                                |

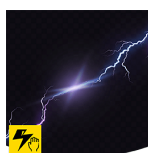


BLK



### lót #m

Gi# cho #ôi chân c#a b#n #m áp và khô ráo trong môi tr#ng l#nh.



### ch#ng t#nh #i#n

Giày ch#ng t#nh #i#n ng#n ch#n s# phát tri#n c#a #i#n tích t#nh và ##m b#o r#ng chúng ##c th#i ra m#t cách hi#u qu#. #i#n tr# âm l#ng gi#a 100 KiloOhm và 1 GigaOhm



### h#p th# gót chân

S# h#p th# n#ng l#ng # gót chân làm gi#m tác ##ng c#a vi#c nh#y ho#c ch#y lên c# th# ng#i mang.



### ## ngoài không #ánh d#u

## ngoài không #ánh d#u không ## l#i v#t màu trên m#t #t.



### gi#ng có th# tháo r#i

Thay mi#ng lót giày th#ng xuyên ho#c s# d#ng mi#ng lót giày ch#nh hình c#a riêng b#n ## tho#i mái h#n.

**Công nghiệp:**  
Biên tập, Xây dựng, Ngành công nghiệp, Thúc phẩm & thuốc, hóa chất

**Môi trường:**  
môi trường làm việc, Bề mặt công việc, môi trường khô, bề mặt không bằng phẳng

**Các hướng dẫn bảo trì:**  
Hãy kéo dài tuổi thọ của giày, chúng tôi khuyên bạn nên vệ sinh giày thường xuyên và bảo vệ chúng bằng các sản phẩm phù hợp. Không phải giày trên lò sưởi hoặc gần nguồn nhiệt.

| Số miêu tả                                                   | Đơn vị đo lường | Kết quả     | EN ISO 20345 |
|--------------------------------------------------------------|-----------------|-------------|--------------|
| <b>Những vật liệu cao cấp Da kẻ thuật Barton</b>             |                 |             |              |
| Top: kẻ nghệ thuật kẻ kẻ                                     | mg/cm/giày      | 1.18        | ? 0.8        |
|                                                              | mg/cm2          | 15          | ? 15         |
| <b>Lớp lót bên trong Teddy</b>                               |                 |             |              |
| Lớp lót: kẻ kẻ kẻ kẻ                                         | mg/cm/giày      | 83.25       | ? 2          |
|                                                              | mg/cm2          | 666         | ? 20         |
| <b>Trong Teddy</b>                                           |                 |             |              |
| Chân: kẻ kẻ kẻ kẻ (kẻ/kẻ) (chủ kẻ)                           | chủ kẻ          | 25600/12800 | 25600/12800  |
| <b>ngoài PU</b>                                              |                 |             |              |
| Chức kẻ kẻ kẻ kẻ kẻ (giày kẻ kẻ kẻ)                          | mm              | 78          | ? 150        |
| Chức kẻ kẻ kẻ kẻ kẻ kẻ kẻ kẻ kẻ kẻ kẻ kẻ                     | ma sát          | 0.35        | ? 0.28       |
| Chức kẻ kẻ kẻ kẻ kẻ kẻ kẻ kẻ kẻ kẻ kẻ kẻ                     | ma sát          | 0.33        | ? 0.32       |
| Chức kẻ kẻ kẻ kẻ kẻ kẻ kẻ kẻ kẻ kẻ kẻ kẻ                     | ma sát          | 0.14        | ? 0.13       |
| Chức kẻ kẻ kẻ kẻ kẻ kẻ kẻ kẻ kẻ kẻ kẻ kẻ                     | ma sát          | 0.19        | ? 0.18       |
| Giá trị chức kẻ kẻ kẻ kẻ                                     | megaohm         | 46.8        | 0.1 - 1000   |
| Giá trị ESD                                                  | megaohm         | N/A         | 0.1 - 100    |
| Hệ thống kẻ kẻ kẻ kẻ kẻ kẻ kẻ kẻ kẻ kẻ                       | J               | 33          | ? 20         |
| <b>Thép</b>                                                  |                 |             |              |
| Mũi giày an toàn kẻ kẻ kẻ kẻ (kẻ kẻ kẻ kẻ kẻ kẻ kẻ kẻ kẻ kẻ) | mm              | N/A         | N/A          |
| Nẹp mũi kẻ kẻ kẻ kẻ kẻ kẻ kẻ kẻ kẻ kẻ kẻ kẻ                  | mm              | N/A         | N/A          |
| Mũi giày an toàn kẻ kẻ kẻ kẻ kẻ kẻ kẻ kẻ kẻ kẻ kẻ kẻ         | mm              | 18.0        | ? 14         |
| Mũi giày an toàn kẻ kẻ kẻ kẻ kẻ kẻ kẻ kẻ kẻ kẻ kẻ kẻ         | mm              | 19.5        | ? 14         |

kích thước thép:

Giày của chúng tôi không ngừng phát triển, để liệt kê thuật ngữ trên có thể thay đổi. Tất cả tên sản phẩm và nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới bất kỳ hình thức nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của chúng tôi.



HEAD-TO-TOE  
PROTECTION



Proudly ranked in the  
top 1% by EcoVadis  
for sustainability.

ENGINEERED  
IN EUROPE

www.safetyjogger.com